

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HSST
Ngày 27- 3 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái, Giáo viên nghỉ hưu

Bà Nguyễn Quỳnh Liên, Hiệu trưởng Trường tiểu học Hương Sơn, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tám - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2000 (tính đến ngày phạm tội: 17 tuổi 01 tháng 17 ngày); nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Y, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Sán Diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B và bà Dương Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “Có mặt”.

2. Chu Đức T, sinh ngày 18 tháng 2 năm 2001 (Do có mâu thuẫn về việc xác định ngày tháng năm sinh của Chu Đức T. Quá trình điều tra xác định Chu Đức T sinh vào khoảng tháng 02 năm 2001. Ngày 04 tháng 01 năm 2018 Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát có Kết luận số 6549/C54-T11, Giám định pháp y độ tuổi của Chu Đức T tại thời điểm giám định tháng 12/2017 là: Từ 16 năm 9 tháng đến 17 năm 3 tháng. Căn cứ kết quả giám định xác định tính đến thời điểm phạm tội ngày gần nhất 23/8/2017, Chu Đức T khoảng 16 tuổi 04 tháng); nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Y, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 5/12; dân

tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ôn Văn T và bà Chu Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “ Có mặt”.

3. Nguyễn Duy S, sinh ngày 09 tháng 5 năm 1998; nơi sinh và nơi cư trú: Khu 2, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy Q và bà Đinh Thị Thu H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số hình sự phúc thẩm số 55/2016/HSPT ngày 20 tháng 12 năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tính đến ngày phạm tội Nguyễn Duy S mới có 17 tuổi 11 tháng 14 ngày. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì không coi là tiền án; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20 tháng 10 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, “ Có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Chu Đức T là bà Chu Thị S, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn Y, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (là mẹ của bị cáo), “ Có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Văn L là ông Hoàng Văn B, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn Y, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (là bố của bị cáo), “ Có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Chu Đức T và Hoàng Văn L là bà Kim Hồng Thanh, là Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, “ Có mặt”.

Bị hại:

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1959, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1962, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Diệp Thị Th, sinh năm 1976, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Vũ Đình C, sinh năm 1982, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Hiện đang cư trú tại: Nhà anh Nguyễn Thanh H, thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1967, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952, “ Có mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1964, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Lương Thị T, sinh năm 1970, “ Có mặt”.

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đang cư trú tại: Nhà anh Nguyễn Văn D, thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Trương Văn N, sinh năm 1991, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cư trú tại: Nhà ông Dương Thế V, thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Lưu Văn H, sinh năm 1964, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Vũ Mạnh H, sinh năm 1977, “ Vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1980, “ Có mặt”.

Địa chỉ: Khu 2, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, (là mẹ bị cáo Sơn).

- Bà Chu Thị S, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn Y, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, “ Có mặt”.

- Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn Y, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, “ Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Đức T ở cùng thôn với Hoàng Văn L và Nguyễn Duy S là các đối tượng không có nghề nghiệp, quen biết nhau. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 8 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017 các bị cáo đã thực hiện 13 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B; huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

Vụ 1: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22 tháng 8 năm 2017, Chu Đức T gặp Hoàng Văn L ở thôn Y, M, T, Vĩnh Phúc, T rủ L đi trộm cắp tài sản. Cả hai đi bộ từ xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đến thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xem ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Trên đường đi phát hiện thấy ở lối cổng ra vào nhà ông Trần Văn L ở tổ dân phố G – thị trấn G, huyện B có dựng 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88H2-3949, màu sơn xanh, nhãn hiệu MOTOSTAR, Số máy: VMEM36230034, Số khung: RL6MA11BD230034 của ông Trần Văn L, đầu xe hướng vào trong, đuôi xe hướng ra ngoài đường. Cả hai quan sát thấy không có người trông coi, T nói với L chờ đến đêm quay lại lấy trộm chiếc xe máy trên. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23 tháng 8 năm 2017, T, L đi bộ quay lại nhà ông Trần Văn L thì thấy chiếc xe mô tô vẫn dựng ở chỗ cũ. Hoàng Văn L đứng ngoài cổng cảnh giới còn Chu Đức T đi bộ vào cổng đến vị trí chiếc xe mô tô dắt lùi ra ngoài cổng. Khi ra đến đường, Chu Đức T lấy chìa khóa treo ở tay lái cắm vào ổ khóa điện vận mở khóa Chu Đức T dùng chân đạp cần khởi động nổ máy, điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở Hoàng Văn L ngồi sau đi đến cánh đồng

thuộc xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngồi chờ đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở L đi đến nhà Trần Văn Đ để bán. Gặp Đ, T đặt vấn đề cấm xe nhưng không nói nguồn gốc là tài sản do trộm cắp mà có nên Đ đồng ý cho cấm và không hỏi gì thêm. Sau đó Đ viết giấy và đưa cho Chu Đức T số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Chu Đức T cầm tiền cùng Hoàng Văn L đi ăn và chơi điện tử.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017 ông Trần Văn L có đơn trình báo gửi Công an huyện Bình Xuyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Quá trình điều tra Trần Văn Đ khai nhận: Vào ngày 23 tháng 8 năm 2017 Đ không trao đổi mua bán xe mô tô với T, L. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn, tuy nhiên Đ không thừa nhận việc cho Chu Đức T cấm xe, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua bán xe với Chu Đức T, Hoàng Văn L.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 121, kết luận: Chiếc xe mô tô BKS: 88H2 - 3949 trị giá 2.333.000 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Quá trình điều tra ông Trần Văn L yêu cầu Chu Đức T và Hoàng Văn L phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe theo kết quả định giá là 2.333.000 đồng. Đến nay T, L chưa bồi thường cho ông Trần Văn L.

Vụ 2: Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 8 năm 2017 T và L cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Cả hai đi bộ từ thị trấn G, huyện B đến xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi đi qua cổng nhà ông Nguyễn Văn X ở thôn M, xã M, huyện T thấy cổng không có cánh cửa, bên trong sân dựng 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 88F7-1207, nhãn hiệu CPI, màu sơn xanh, số máy: CPI152FMH005660, số khung: VDEPCH00A1D005660 của ông X, đầu xe hướng vào trong nhà, đuôi xe hướng ra cổng. Cả hai quan sát thấy không có người, T nói với L “*Mày có dám làm không?*”, ý hỏi L có dám lấy trộm không. L đồng ý, T đứng ở ngoài cánh giới còn L đi đến chiếc xe mô tô 88F7-1207 dắt ra ngoài cổng, khi cách cổng khoảng 10m, L lấy chìa khóa treo ở dây phanh cắm vào ổ khóa điện vặn mở khóa. Thấy đèn báo trên mặt đồng hồ nháy sáng, L đạp cần khởi động nổ máy, điều khiển xe mô tô 88F7-1207 chở T ngồi sau đi đến cánh đồng thuộc xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngồi đợi đến khoảng 06 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở L đến nhà Trần Văn Đ bán xe. Gặp Trần Văn Đ, Chu Đức T đặt vấn đề bán xe với giá 500.000 đồng, không nói nguồn gốc là tài sản do trộm cắp mà có. Đ đồng ý mua và đưa cho T số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), T cầm tiền cùng L đi ăn và chơi điện tử hết.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017 ông X có đơn trình báo gửi Công an huyện Tam Đảo. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Quá trình điều tra Trần Văn Đ khai nhận ngày 28/8/2017 Đ không trao đổi mua bán xe mô tô với T, L. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn, tuy nhiên Đ không thừa nhận việc cho T, L cấm xe, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua bán xe với T, L.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Tam Đảo có Kết luận định giá số 641 kết luận: chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88F7-1207, trị giá 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Ông X yêu cầu T, L phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô trên theo kết quả định giá là 800.000 đồng. Đến nay T, L chưa bồi thường cho ông X.

Vụ 3: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2017 T đi bộ lang thang một mình, mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, khi đi đến địa phận tổ dân phố C, thị trấn G, huyện B Chu Đức T phát hiện con chó giống đực, loại PugDog (mặt nhẵn), màu lông xám - đen, có trọng lượng 7kg của gia đình bà Nguyễn Thị M đang đi ở đường bê tông. Quan sát thấy không có người trông coi T tiến đến dùng hai tay ôm con chó đi ra ngã ba đường 310 thuộc thị trấn G, huyện B rồi gọi điện thoại cho Hoàng Văn L đến để tìm địa điểm tiêu thụ, L đồng ý đến. Sau đó Chu Đức T gọi hãng taxi Thịnh Hưng để đi về phòng nghỉ T thuê tại nhà nghỉ Thành Dương I ở thị trấn G, huyện B. Khoảng 15 phút sau anh Lưu Anh T là lái xe ô tô taxi hãng Thịnh Hưng, một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 30E-57..... đến đón Th và L. Chu Đức T ôm con chó vừa trộm cắp được ngồi cùng Hoàng Văn L ở hàng ghế sau người lái, trên đường đi anh T nghi ngờ Chu Đức T lấy trộm con chó trên của nhà bà M nên sau khi chở Chu Đức T và Hoàng Văn L đến nhà nghỉ Thành Dương I thì anh Lưu Anh T thông báo cho gia đình bà M biết. Khoảng 20 giờ cùng ngày, chồng bà M là ông Nguyễn Việt D cùng ông Nguyễn Kim T cùng ở thị trấn G, huyện B đến công nhà nghỉ Thành Dương I thì thấy Chu Đức T đang ôm con chó đứng trước cửa nhà nghỉ. Nhìn thấy ông Nguyễn Việt D và ông Nguyễn Kim T đi đến Chu Đức T bỏ con chó lại rồi cùng Hoàng Văn L bỏ chạy. Ông D đem con chó về nhà.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 74, kết luận: Con chó giống đực, loại PugDog (mặt nhẵn), màu lông xám - đen, trọng lượng 7kg, trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại con chó giống PugDog cho bà Nguyễn Thị M là chủ sở hữu. Nhận lại tài sản gia đình bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Chu Đức T phải bồi thường gì khác.

Vụ 4: Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 9 năm 2017 T và L cùng nhau đi trộm cắp tài sản, cả hai đi bộ từ xã M, huyện T đến xã T, huyện B. Khi đi đến công nhà chị Diệp Thị T cả hai phát hiện bên trong góc sân có dựng 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 88H4-2535, nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh, số máy: HC09E3055990, số khung: HHC09034Y35590, đăng ký mang tên Dương Đức H ở thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, không có ai quản lý, cửa nhà đóng, hai cánh cổng bằng kim loại đóng cài then không khóa. Chu Đức T bảo Hoàng Văn L “*Mày đứng ngoài cánh giới, tao vào dắt xe ra thì mày mở cổng*”, L đồng ý **Chu Đức T** trèo qua bờ tường giáp với đường liên thôn, nhảy xuống nền sân đi đến chiếc xe mô tô 88H4-2535, lấy từ trong túi quần bỏ dài màu xanh bên phải đang mặc trên người 01 chiếc chìa khóa xe mô tô chuẩn bị từ trước cắm vào ổ khóa điện vặn mở khóa. Thấy mở được khóa, Chu Đức T dắt ra ngoài cổng. Sau đó ấn nút đề nổ máy, Chu Đức T điều khiển xe mô tô 88H4-2535 chở Hoàng Văn L ngồi sau đi tìm địa điểm để tháo biển kiểm soát của xe, khi đến quán dân đề can của anh Dương Duy T, sinh

năm 1995, ở xã B, huyện B Chu Đức T vào quán nói với anh Dương Duy T: Xe của Chu Đức T vừa mua, tháo hộ Chu Đức T biển số, gương, yếm. Tin là thật anh Dương Duy T đồng ý tháo biển kiểm soát, gương, yếm. Sau đó Chu Đức T cắt biển kiểm soát vào trong cốp xe, còn 02 chiếc gương chiếu hậu, 02 cánh yếm nhựa và giá để hàng giữa xe Chu Đức T cho anh Dương Duy T và trả tiền công 20.000 đồng cho anh Dương Duy T, Chu Đức T điều khiển xe chở Hoàng Văn L đi và sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Sau khi bị mất tài sản ngày 08 tháng 11 năm 2017 chị Diệp Thị T có đơn trình báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có kết luận định giá số 117, kết luận: Xe mô tô BKS 88H4- 2535 trị giá 9.333.000 đồng (Chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ 02 cánh yếm nhựa màu xanh và đã trả lại cho chị Diệp Thị T. Nay chị Diệp Thị T yêu cầu Chu Đức T và Hoàng Văn L bồi thường cho chị theo kết luận định giá là 9.333.000 đồng, Chu Đức T và Hoàng Văn L chưa bồi thường cho chị Diệp Thị T.

Đối với chiếc xe mô tô, sau khi trộm cắp được Chu Đức T, Hoàng Văn L sử dụng, đến ngày 06 tháng 10 năm 2017 Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô trộm cắp của chị Diệp Thị T đến gặp Nguyễn Duy S hiện đang ở trọ tại thôn T, xã H, huyện B. Tại phòng trọ của Nguyễn Duy S, Hoàng Văn L nói là xe của Hoàng Văn L đang muốn bán. Sau đó Hoàng Văn L rủ Nguyễn Duy S đi cùng để bán xe mô tô. Hoàng Văn L điều khiển xe chở Nguyễn Duy S đến nhà Trần Văn Đ để bán xe. Tại nhà Đoàn, Long nhờ Sơn đứng ra viết giấy bán xe cho Trần Văn Đ và cầm 1.200.000 đồng. Toàn bộ số tiền Hoàng Văn L đã tiêu sái hết.

Đối với Nguyễn Duy S, khi đi cùng Hoàng Văn L bán xe, Nguyễn Duy S là người đứng ra viết giấy bán xe cho Đ. Quá trình điều tra xác định S không biết chiếc xe do L cùng T phạm tội mà có, sau khi bán xe S không được L cho tiền. Mặt khác S không chứng minh được việc bán xe cho Đ. Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xử lý.

Quá trình điều tra Đ khai: Vào ngày 06 tháng 10 năm 2017 Đ không trao đổi mua bán xe mô tô với L. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn nhưng Đ không thừa nhận việc cho Long cầm xe, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua bán xe với L.

Đối với anh Dương Duy T là người đã tháo biển kiểm soát, gương, yếm xe mô tô cho T quá trình điều tra xác định khi vào quán T nói với anh T là xe của T, anh T không biết xe mô tô là tài sản do T, L trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Vụ 5: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2017 Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô trộm cắp của chị Diệp Thị T chở Chu Đức T đi loanh quanh trên địa bàn xã T để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng nhà anh Nguyễn Thanh H cả hai phát hiện trong sân có dựng khoảng 10 chiếc xe mô tô các loại, không có người trông coi. Quan sát thấy cửa nhà đóng, cổng ra vào không có cánh, Hoàng Văn L dừng xe mô tô lại và hỏi Chu Đức T “*Có làm được vụ này không?*”, Chu Đức T đồng ý, Hoàng

Văn L đứng ngoài cánh giới, Chu Đức T đi bộ đến chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 21F2-7239, nhãn hiệu SYM, màu sơn xanh, SM: MSACBH032711, SM: 10KHAH032711, của anh Vũ Đình C (đang thuê trọ nhà anh H). Chu Đức T thấy có 01 chiếc chìa khóa cắm sẵn ở ổ khóa yên, Chu Đức T rút ra rồi cắm vào ổ khóa điện của xe mô tô 21F2-7239 vặn mở khóa xe, sau đó Chu Đức T dắt lùi ra ngoài cổng dùng chân đạp cần khởi động nổ máy. Chu Đức T điều khiển xe đi theo đường Khu công nghiệp Thăng Long 3, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đến cánh đồng xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô 88H4-2535 theo sau. Cả hai ngồi đợi đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, Chu Đức T và Hoàng Văn L đem xe mô tô 21F2-7239 bán cho Trần Văn Đ. Khi bán xe mô tô Chu Đức T không nói nguồn gốc do Chu Đức T phạm tội mà có nên Đ đồng ý và đưa cho Chu Đức T số tiền 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng). Chu Đức T cầm tiền cùng Hoàng Văn L đi ăn và chơi điện tử hết.

Sau khi bị mất xe anh C có đơn trình báo gửi Công an huyện B. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên. Ngày 28 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B có Kết luận định giá số 107, kết luận: Xe mô tô Biển kiểm soát: 21F2-7239 có trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Đình C yêu cầu Chu Đức T và Hoàng Văn L phải bồi thường cho anh 3.000.000 đồng, đến nay T và L chưa bồi thường.

Đối với Trần Văn Đ, theo anh Chu Đức T khai là người mua chiếc xe. Quá trình điều tra, Đ khai nhận khi T mang xe đến cầm cố, T nói là xe của T, hai ngày sau T đến trả 500.000 đồng cho Đ và lấy xe đi. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn, tuy nhiên Đ không thừa nhận việc T cầm xe cho Đ sau đó bỏ đi không chuộc lại, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua xe của T.

Vụ 6: Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 9 năm 2017 Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô: 88H4-2535 (biển kiểm soát xe để trong cốp), chở Chu Đức T đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến địa phận thôn Q, xã T, huyện B cả hai phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave, màu đen - xám, Biển kiểm soát: 88G1-195.48, số máy: JC52E-1328826; số khung: RLHJC5261DY108712, của anh Nguyễn Đình D đang cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện, dừng ở ven đường, không có ai trông coi. T nói với L “*Mày có làm không?*”, ý hỏi L có trộm cắp chiếc xe mô tô này không. L đồng ý dùng xe mô tô 88H4-2535 cách xe mô tô 88G1-195.48 khoảng 05m, T ngồi trên xe cánh giới. L đi bộ đến chiếc xe mô tô 88G1-195.48 ngồi lên yên xe, dùng tay vặn chìa khóa điện mở khóa rồi ấn nút đề khởi động nổ máy. L điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến nhà Trần Văn Đ để bán, T điều khiển xe mô tô 88H4-2535 đi theo sau. Khi đến nhà Đ, T và L đặt vấn đề bán xe. Cả hai không nói nguồn gốc xe mô tô 88G1-195.48 là tài sản do trộm cắp mà có. Đ đồng ý mua và đưa cho T số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), T cầm tiền cùng L đi ăn uống và đánh điện tử hết số tiền.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017 anh Nguyễn Đình D có đơn trình báo gửi Công an huyện Bình Xuyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Xuyên có Kết luận định số 101, kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát: 88G1-195.48 có trị giá 5.666.000 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Đối với Trần Văn Đ, theo T khai là người mua chiếc xe. Quá trình điều tra, Đ khai nhận khi T mang xe đến cầm cố, T nói là xe của T. Khoảng 1 tuần sau T đến trả 2.500.000 đồng cho Đ và đã lấy xe đi. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn, tuy nhiên Đ không thừa nhận việc T cầm xe cho Đ sau đó bỏ đi không chuộc lại, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua xe của T.

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Anh Nguyễn Đình D yêu cầu T, L phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô trên theo kết luận định giá là 5.666.000 đồng. Đến nay T, L chưa bồi thường.

Vụ 7: Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2017, L điều khiển xe mô tô BKS 88H4-2535 (Biển kiểm soát để trong cốp), chở T đi từ phòng trọ của T, L thuê của gia đình ông Dương Thế V, sinh năm 1972 ở thôn T, xã H, huyện B để trộm cắp tài sản. Khi đi đến địa phận đường bê tông liên thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, cả hai phát hiện 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 88S6-6203, nhãn hiệu WAYXIN, số máy: 50FMG2007144; số khung: G5RH7A007144, của ông Nguyễn Văn H đang dựng ở ven đường, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, không có người trông coi. L hỏi T “*Mày có dám lấy không?*”, T đồng ý, L dừng xe mô tô 88H4-2535 cách xe mô tô của ông Nguyễn Văn H khoảng 100m để cảnh giới. T đi bộ đến xe mô tô của ông Nguyễn Văn H vặn chìa khóa điện mở được khóa rồi dùng chân phải đạp cần khởi động nổ máy, điều khiển xe đi đến nhà Trần Văn Đ để bán, L điều khiển xe mô tô 88H4-2535 đi theo sau. Đến nhà Đ, T đặt vấn đề bán xe, T và L không nói nguồn gốc xe mô tô 88S6-6203 là tài sản do trộm cắp mà có nên Đ đồng ý mua. Đ đưa cho T số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), T cầm tiền cùng L đi ăn và chơi điện tử hết

Ngày 11 tháng 11 năm 2017 ông Nguyễn Văn H có đơn trình báo gửi Công an huyện Bình Xuyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 108, kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát: 88S6 – 6203 có trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Quá trình điều tra Trần Văn Đ khai nhận: Vào ngày 08 tháng 9 năm 2017 Đ không trao đổi mua bán xe mô tô với T. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn nhưng Đ không thừa nhận việc cho T cầm xe, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua bán xe với T.

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu T, L phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô trên theo kết luận định giá là 2.000.000 đồng. Đến nay T, L chưa bồi thường.

Vụ 8: Khoảng 12h00 ngày 09 tháng 9 năm 2017, Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô BKS: 88H4-2535 (biển kiểm soát xe để trong cốp), chở Chu Đức T đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng gia đình anh Nguyễn Văn V ở thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, thấy cổng mở, trong sân dựng 01 xe mô tô BKS: 72K1 - 098.43,

nhãn hiệu SUZUKI HAYATE, màu sơn đen, SK: 4EF0B0114316, SM: F4E4115276, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, không có người trông coi. T nói với L chờ ngoài, canh giới. Sau đó T đi bộ đến chiếc xe mô tô 72K1 - 098.43 dắt ra ngoài cổng, vặn mở khóa điện rồi dùng chân đạp cần khởi động nổ máy. T điều khiển xe mô tô đi đến nhà Trần Văn Đ để bán, L điều khiển xe mô tô 88H4-2535 đi theo sau. Khi đến nhà Đ, T và L không nói nguồn gốc xe mô tô 72K1 - 098.43 là tài sản do trộm cắp mà có nên Đ đồng ý mua. Đ đưa cho T số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), T cầm tiền cùng L đi ăn và chơi điện tử hết số tiền.

Sau khi bị mất tài sản, ngày 05 tháng 11 năm 2017 anh Nguyễn Văn V phát hiện chiếc xe mô tô của mình do anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1992 ở thôn B, xã H, huyện T điều khiển. Anh V đã giữ xe mô tô lại và trình báo Công an huyện Tam Đảo.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tam Đảo có Kết luận định giá số 634 kết luận: Xe mô tô BKS: 72K1 - 098.43, nhãn hiệu SUZUKI HAYATE, màu sơn đen, SK: 4EF0B0114316, SM: F4E4115276, trị giá **5.500.000đ** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô BKS: 72K1 - 098.43 cùng đăng ký xe cho anh Nguyễn Văn V là chủ sở hữu. Nhận lại tài sản anh V không yêu cầu T, L phải bồi thường gì.

Quá trình điều tra Trần Văn Đ khai nhận: Vào ngày 09/9/2017 Đ không trao đổi mua bán xe mô tô với T, L. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn, tuy nhiên Đ không thừa nhận việc cho T, L cầm xe, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua bán xe với T, L.

Đối với anh Lưu Văn Đ, quá trình điều tra làm rõ anh Lưu Văn Đ là nhân viên của quán Karaoke Hoa Ban Trắng. Khoảng ngày 11/9/2017 có một nhóm thanh niên không quen biết đến quán hát, khi thanh toán tiền phòng hát không đủ tiền nên đã để lại chiếc xe mô tô cùng chìa khóa, hẹn một vài ngày sau sẽ lấy xe. Thời gian sau không thấy ai đến lấy nên anh Lưu Văn Đ sử dụng làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra làm rõ anh Đ không biết chiếc xe là do L và T trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Đ là phù hợp.

Vụ 9: Khoảng 10h30 phút ngày 10 tháng 9 năm 2017, Chu Đức T cùng Hoàng Văn L rủ nhau đi trộm tài sản. L điều khiển xe mô tô BKS: 88H4 - 2535 (biển kiểm soát để trong cốp), chở T ngồi sau đi từ xã T, huyện B theo đường 310 ra Thị trấn H, huyện B. Khi đi đến đường liên xã thuộc địa phận Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì cả hai phát hiện chiếc xe mô tô 29L5 - 6643 của ông Trần Văn D để trên vỉa hè, quan sát thấy không có người trông giữ, L rủ T trộm cắp xe chiếc xe mô tô trên, T đồng ý. L dừng xe cách xe mô tô 29L5 - 6643 khoảng 3m để canh giới, T xuống xe rồi đi bộ đến chiếc xe mô tô 29L5 - 6643, T đứng quan sát thấy không có người nên dắt xe quay đầu lại, cách vị trí ban đầu khoảng 05m, vặn chìa khóa đang cắm sẵn trong ổ khóa mở khóa điện rồi dùng chân đạp cần khởi động nổ máy. T điều khiển xe mô tô 29L5 - 6643 đi theo hướng đi ra Quốc lộ 2A, L điều khiển xe mô tô 88H4 - 2535 đi theo phía sau. Ông Trần Văn D phát hiện liền truy hô rồi cùng anh Đào Phi T đuổi bắt, anh T điều khiển xe mô tô BKS: 98L6-3850, của mình chở ông D ngồi sau đuổi bám sát ngay sau xe mô tô 29L5 - 6643 do

T điều khiển, khi T điều khiển xe mô tô trên bờ chạy được khoảng 3km thì ông Trần Văn D, anh T đuổi kịp, hô hoán mọi người bắt giữ. Chu Đức T hoảng sợ vứt bỏ xe mô tô BKS: 29L5 - 6643 đổ nghiêng trên mặt đường rồi bỏ chạy xuống Cánh đồng M, thị trấn H, huyện B, sau đó bị quần chúng nhân dân bắt giữ, Long điều khiển xe mô tô 88H4-2535 chạy thoát. Cùng ngày 10 tháng 9 năm 2017 ông Trần Văn Dũng đã giao nộp Cơ quan điều tra - Công an huyện Bình Xuyên chiếc xe mô tô BKS: 29L5 - 6643 để phục vụ điều tra. Ngày 20 tháng 10 năm 2017, L đến Công an huyện Bình Xuyên làm việc, khai nhận rõ hành vi cùng T trộm cắp chiếc xe mô tô 29L5 - 6643.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 77 kết luận: Xe mô tô BKS: 29L5 - 6643, nhãn hiệu SYM, màu xám, số máy: 201439, số khung: 201430, trị giá **3.166.000đ** (Ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ngày 01/10/2017, sau khi xác minh làm rõ Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Xuyên trả lại chiếc xe mô tô BKS: 29L5 - 6643 cho ông Trần Văn D ở là chủ sở hữu. Nhận lại tài sản ông D không yêu cầu bồi thường gì khác.

Vụ 10: Khoảng 01h00 phút ngày 13 tháng 9 năm 2017, Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô BKS: 88H4-2535 (biển kiểm soát để trong cốp), chở Chu Đức T đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng nhà anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 ở thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, cả hai phát hiện trong sân nhà anh D dựng 01 chiếc xe mô tô BKS: 36F9-0115, nhãn hiệu Hon Da - Dream, màu nâu, SK: HA08071Y027557, SM: HA08E0027572 của chị Lường Thị T. Thấy cửa nhà và cửa cổng đóng, không có người trông coi, L dừng xe mô tô 88H4-2535, trước cổng nhà anh D rồi cùng T đi bộ về phía cổng kiểm tra thấy không khóa. Cả hai đẩy cánh cổng (bằng kim loại) từ bên phải qua bên trái, rộng khoảng 01m, L đứng canh giới, T đi đến chiếc xe mô tô 36F9-0115, thấy xe không khóa cổ, không khóa càng, T dắt ra ngoài cổng. L ngồi lên xe mô tô 36F9-0115 (không nổ) điều khiển, T điều khiển xe mô tô 88H4-2535 dùng chân phải đuổi thẳng về phía trước đạp bàn chân vào vị trí bàn để chân bên trái phía sau xe mô tô 36F9-0115 đẩy về phòng trọ nhà ông Dương Thế V để cất giấu. Khoảng 08h00 phút cùng ngày, L và T đem chiếc xe mô tô 36F9 - 0115 đến ven đường Khu công nghiệp K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh V gặp 01 người đánh chìa khóa dạo, không quen biết tên tuổi địa chỉ để phô tô chìa khóa mới, T trả cho người nam giới này số tiền 20.000 đồng. Sau đó L và T đem xe mô tô 36F9-0115 bán cho Trần Văn Đ. Khi gặp Đ, T không nói nguồn gốc xe mô tô 36F9 - 0115 là tài sản do trộm cắp mà có. Đ đồng ý mua và đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), T cầm tiền cùng L đi ăn và chơi điện tử hết số tiền.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017 chị Lường Thị T có đơn trình báo gửi Công an huyện Bình Xuyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 109, kết luận: Xe mô tô BKS: 36F9-0115, nhãn hiệu Hon Da - Dream, màu nâu, Số khung: HA08071Y027557, Số máy: HA08E0027572, trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lương Thị T yêu cầu Chu Đức T, Hoàng Văn L phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô trên theo kết luận định giá là 10.000.000 đồng. Đến nay Chu Đức T, Hoàng Văn L chưa bồi thường.

Quá trình điều tra Trần Văn Đ khai nhận: Vào ngày 13 tháng 9 năm 2017 Đ không trao đổi mua bán xe mô tô với Chu Đức T, Hoàng Văn L. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn tuy nhiên Đ không thừa nhận việc cho Chu Đức T, Hoàng Văn L cầm xe, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua bán xe với Chu Đức T, Hoàng Văn L.

Vụ 11: Chiều ngày 28 tháng 9 năm 2017, Chu Đức T, Hoàng Văn L và Nguyễn Duy S đang thuê phòng trọ nhà ông Dương Thế V rủ nhau trộm cắp xe mô tô BKS: 37P3-0838, nhãn hiệu KEEWAY, màu sơn đen, bạc, SK: 5MF6H-001129, SM: FMH-6K201119, của anh Trương Văn N (đang thuê phòng trọ nhà ông V). Khoảng 01h00 phút ngày 28 tháng 9 năm 2017, S nói với L *“Vào dắt xe đi ra ngoài anh phá khóa cho”*. Sau đó T và S đứng canh giới, L đi đến chiếc xe mô tô 37P3 - 0838, xe không khóa cổ, không khóa càng, dựng trước cửa phòng trọ anh N, không có người trông coi, rồi dắt ra ngoài cổng để S ngồi lên xe mô tô 37P3 - 0838 (không nổ) điều khiển, T điều khiển xe mô tô BKS: 88H4-2535 (biển kiểm soát để trong cốp), chở L ngồi sau, L dùng bàn tay phải kéo bàn tay trái của S đi đến khu vực cánh đồng xã H, huyện B, Vĩnh Phúc thì dừng lại. S dùng hai tay giật bung miếng ốp nhựa phía trước xe mô tô 37P3 - 0838, rồi rút hai rắc cắm của hai đầu dây điện ra để tách nguồn điện của xe. Sau đó S dùng chân đạp cần khởi động thì động cơ nổ. L, T và S mang chiếc xe mô tô 37P3-0838 đi đến cánh đồng thuộc xã M, huyện T, Vĩnh Phúc chờ đến khoảng 06h30 phút cùng ngày, L, T và S mang chiếc xe vừa trộm cắp được bán cho Trần Văn Đ. Khi gặp Đ, T nói *“Anh cho em cầm con xe lấy 500.000đ”* nhưng không nói rõ nguồn gốc là tài sản do trộm cắp mà có. Đ đồng ý và viết giấy cầm cố xe Đ giữ giấy, sau đó đưa cho T 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi nhận 500.000 đồng T cùng L, S đi ăn và chơi điện tử hết số tiền.

Ngày 22 tháng 10 năm 2017 anh N có đơn trình báo gửi Công an huyện Bình Xuyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 110, kết luận: Xe mô tô BKS: 37P3-0838, nhãn hiệu KEEWAY, màu sơn đen, bạc, SK: 5MF6H-001129, SM: FMH-6K201119, trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh N yêu cầu T, L, S phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô trên theo kết luận định giá là 2.500.000đ. Ngày 18 tháng 01 năm 2018 chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1980 (là mẹ đẻ S) đã tự nguyện bồi thường số tiền 800.000 đồng cho anh N. Đến nay chị Đinh Thị Thu H không yêu cầu S phải bồi thường gì thêm. Anh N yêu cầu T, L phải liên đới bồi thường cho anh số tiền 1.700.000đ.

Đối với Trần Văn Đ, theo T, L, S khai nhận là người đã mua chiếc xe mô tô do T, L, S trộm cắp của anh N. Quá trình điều tra xác định khi bán xe chỉ có mình T giao dịch với Đ. L, S không chứng kiến việc mua bán xe. Bản thân Đ khai nhận Vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 Đ không trao đổi mua bán xe mô tô với T, L, S. Cơ quan

điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn tuy nhiên Đ không thừa nhận việc cho L, T, S cầm xe, do vậy chưa đủ căn cứ xác định Đ mua bán xe với T, L, S.

Vụ 12: Khoảng 20h00 phút ngày 04 tháng 10 năm 2017, Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô BKS: 88H4 - 2535 (biển kiểm soát xe để trong cốp), chở Nguyễn Duy S từ phòng trọ đang thuê nhà ông Dương Thế V đi chơi, trên đường đi cả hai bàn nhau nếu phát hiện gia đình nào có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến trước cửa nhà ông Lưu Văn H ở thị trấn G, huyện B, Vĩnh Phúc, đang xây dựng, không có cánh cổng, có dựng 01 chiếc xe mô tô BKS: 88S3-3353, nhãn hiệu Honda - Wave, màu sơn đỏ đen của ông H, đầu xe hướng vào cửa nhà, đuôi xe hướng ra ngoài cổng, không có người trông coi. L nảy sinh ý định trộm cắp, L nói với S *“Có xe kia, lát quay về nếu còn thì lấy”* S đồng ý. Khoảng 01h30 phút ngày 05 tháng 10 năm 2017, L điều khiển xe mô tô trên chở S ngồi sau, quay lại nhà ông H để trộm cắp xe mô tô 88S3-3353. Khi đến nhà ông H thì L dừng xe mô tô ở ngoài cổng để cảnh giới còn S đi đến chiếc xe mô tô 88S3-3353, thấy không khóa cổ, không càng, S đi ra ngoài gọi L vào cùng dắt xe mô tô 88S3-3353. L và S cùng nhau dắt xe ra ngoài cách cổng khoảng 15m thì S rút chìa khóa điện xe mô tô 88H4-2535 cắm vào ổ khóa điện xe mô tô 88S3-3353 vặn mở được khóa điện. S khởi động động cơ rồi điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về phòng trọ, L điều khiển xe mô tô 88H4-2535 đi theo sau. Khi về đến phòng trọ L và S tháo BKS: 88S3-3353 để vào trong cốp và tháo 02 gương chiếu hậu để tại phòng trọ, sau đó sử dụng xe mô tô 88S3-3353 làm phương tiện đi trộm cắp. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, L và S cùng nhau mang chiếc xe mô tô 88H4-2535, nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh, SM: HC09E3055990, SK: HHC09034Y35590 đến nhà Trần Văn Đ để bán. Khi bán xe L, S không nói nguồn gốc do trộm cắp mà có. Đ đồng ý mua và đưa cho S số tiền 1.200.000đ. Sau đó L và S mang chiếc xe mô tô 88S3 - 3353 đi dán đề can thành màu xanh - trắng có in hình Doreamon hết số tiền 1.200.000đ. Ngày 19 tháng 10 năm 2017, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Xuyên đã thu giữ xe mô tô 88S3 - 3353 do Hoàng Văn L tự nguyện giao nộp.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 91, kết luận: Xe mô tô BKS: 88S3-3353, SM: HC09E5377695; SK: 09087Y277651, nhãn hiệu Hon Da - Wave, màu sơn đỏ đen, trị giá 8.333.000 đồng (Tám triệu ba trăm, ba mươi ba nghìn đồng).

Ngày 10 tháng 12 năm 2017, sau khi xác minh làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại xe mô tô BKS: 88S3-3353 và 02 gương chiếu hậu cho ông Lưu Văn H là chủ sở hữu. Nhận lại tài sản ông H không yêu cầu bồi thường gì khác.

Vụ 13: Khoảng 01h30 phút ngày 08 tháng 10 năm 2017, trong khi chưa bị Cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe mô tô BKS: 88S3-3353 (biển kiểm soát xe để trong cốp), Hoàng Văn L điều khiển xe chở Nguyễn Duy S đi trộm cắp tài sản. Khi đang đi trên đường 310 thuộc thôn A, xã T, huyện B, Vĩnh Phúc thì cả hai phát hiện trên vỉa hè ven đường có dựng 01 chiếc xe mô tô, BKS: 88S4-5398, nhãn hiệu STORM, màu sơn nâu, SM: VDGZS150FMG-ST*002338*, SK: RNDDCGSND*002338* của anh Vũ Mạnh H không khóa cổ, không khóa càng. Quan sát thấy không có người trông coi, S nói với L *“Có xe kia.”*, L hiểu ý dừng xe

mô tô 88S3-3353 lại để cảnh giới, S đi đến chiếc xe mô tô 88S4-5398 dắt đến vị trí L. Tại đây L rút chìa khóa điện xe mô tô 88S3 - 3353 đưa cho S để mở khóa điện xe mô tô 88S4-5398, S vặn chìa khóa mở được khóa điện rồi khởi động xe mô tô vừa trộm cắp được cùng L đi về phòng trọ nhà ông Dương Thế V để cất giấu. L cùng S tháo bỏ 02 chiếc gương chiếu hậu, 01 chiếc móc kim loại và 01 chiếc yếm nhựa màu trắng để tại phòng trọ. Khoảng 07h00 phút cùng ngày, L và S bán chiếc xe mô tô 88S4-5398 cho Trần Văn Đ. Khi bán S, L không nói nguồn gốc là tài sản do trộm cắp mà có. Đ đồng ý mua và đưa cho S số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), S cầm tiền cùng L đi ăn, chơi điện tử hết.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017 anh Vũ Mạnh H có đơn trình báo gửi Công an huyện Bình Xuyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 96, kết luận: Xe mô tô, BKS: 88S4 - 5398, nhãn hiệu STORM, màu sơn nâu, SM: VDGZS150FMG-ST *002338*, SK: RNDDCGSND*002338*, trị giá 1.833.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ngày 19 tháng 10 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã thu giữ tại phòng trọ 02 chiếc gương chiếu hậu, 01 chiếc móc kim loại và 01 chiếc yếm nhựa màu trắng - Super - Dream. Ngày 17 tháng 01 năm 2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên trả lại 02 chiếc gương chiếu hậu, 01 chiếc móc kim loại và 01 chiếc yếm nhựa màu trắng - Super - Dream cho Vũ Mạnh H là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Mạnh H yêu cầu L, S phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô trên theo kết luận định giá là 1.833.000đ. Ngày 18 tháng 01 năm 2018 chị Đinh Thị Thu H (là mẹ đẻ S) đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho anh Vũ Mạnh H. Đến nay anh Vũ Mạnh H không yêu cầu S phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho S. Anh yêu cầu L phải bồi thường cho anh số tiền 833.000 đồng.

Ngoài ra quá trình điều tra Chu Đức T và Hoàng Văn L còn khai nhận: Vào buổi trưa ngày đầu tháng 8 năm 2017, cả hai đi bộ từ thị trấn G, huyện B, Vĩnh Phúc đến địa phận xã K, huyện T, Vĩnh Phúc, mục đích nếu phát hiện ai quản lý tài sản sơ hở sẽ trộm cắp, khi đi bộ đến ngã tư K, huyện T, Vĩnh Phúc thì cả hai cùng phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave, màu xanh, BKS không nhớ, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa điện dựng trước cửa của một nhà dân, đầu xe hướng về phía cửa nhà, đuôi xe hướng ra ngoài đường, không có người trông coi, quản lý. T nói với L “ *Chờ tao ở đây, tao dắt xe ra thì mày chạy.*”, L đồng ý và đứng cảnh giới, T tiến lại chiếc xe mô tô trên dắt lùi quay ra ngoài đường dịch chuyển khỏi vị trí ban đầu được khoảng 02m (T, L khai) thì có người dân hô hoán “*Thằng kia đứng lại.*” hoảng sợ T bỏ xe mô tô lại rồi cùng L nhanh chóng bỏ chạy.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Dương có công văn số 40, thông báo không xác định được bị hại của vụ việc trên do vậy không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra Chu Đức T, Hoàng Văn L, Nguyễn Duy S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Do có một số tài liệu ghi nhận ngày tháng năm sinh của Chu Đức T khác với ngày 18 tháng 02 năm 2001 tại Bản sao giấy khai sinh, sổ hộ khẩu và thẻ căn cước công dân của Chu Đức T. Ngày 22 tháng 12 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên ra Quyết định số 44 trưng cầu Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát giám định pháp y về độ tuổi đối với Chu Đức T. Ngày 04 tháng 01 năm 2018 Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát có Kết luận số 6549/C54-T11, Giám định pháp y độ tuổi của Chu Đức T tại thời điểm giám định tháng 12 năm 2017 là: Từ 16 năm 9 tháng đến 17 năm 3 tháng. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm phạm tội gần nhất vào ngày 22 tháng 8 năm 2017 Chu Đức T khoảng 16 tuổi 04 tháng.

Đối với Trần Văn Đ, quá trình điều tra các bị cáo khai nhận đã bán xe mô tô trộm cắp được Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh lấy lời khai của Đ. Cũng như tiến hành đối chất giữa Chu Đức T, Hoàng Văn L, Nguyễn Duy S với Trần Văn Đ nhưng Đ không thừa nhận việc giao dịch mua bán xe mô tô với các bị cáo. Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng cũng như căn cứ để xác định có việc mua bán. Nên không đề cập xử lý đối với Đ.

Quá trình điều tra xác định: Trước khi phạm tội các bị can Chu Đức T, Hoàng Văn L, Nguyễn Duy S chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra khai báo thành khẩn. Đối với bị can Nguyễn Duy S đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị can Nguyễn Duy S phải chịu tình tiết phạm tội nhiều lần.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị can Chu Đức T, Hoàng Văn L phải liên đới bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là: 35.665.000 đồng. Trong đó bồi thường cho ông Trần Văn L 2.333.000đ; chị Diệp Thị T 9.333.000đ; anh Nguyễn Đình D 5.666.000đ; ông Nguyễn Văn H 2.000.000đ; chị Lương Thị T 10.000.000đ; anh Trương Văn N 1.700.000đ; ông Nguyễn Văn X 800.000đ; anh Vũ Đình C 3.000.000đ; riêng Hoàng Văn L phải bồi thường cho anh Vũ Mạnh H 833.000đ.

Xác nhận bị can Nguyễn Duy S và gia đình đã bồi thường cho anh Vũ Mạnh H số tiền 1.000.000đ, anh Trương Văn N số tiền 800.000đ.

Bản Cáo trạng số: 16/VKS-BX ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Chu Đức T và Hoàng Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Duy S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Chu Đức T và Hoàng Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Duy S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt Hoàng Văn L và Chu Đức T mỗi bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt buộc hoặc tự nguyện thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60; khoản 2 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt Nguyễn Duy S từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, tổng hợp với hình phạt hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thành 12 tháng tù của bản án số 55/2016/HSPT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 20 tháng 10 năm 2017. (Bị cáo được trừ số ngày bị tạm giam từ ngày 13 tháng 5 năm 2016 đến ngày 07 tháng 7 năm 2016 của bản án số 55 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự.

Xác nhận Nguyễn Duy S và gia đình đã bồi thường cho anh Vũ Mạnh H số tiền 1.000.000 đồng, anh Trương Văn N 800.000 đồng. Xác nhận Hoàng Văn L và Chu Đức T đã bồi thường cho ông Trần Văn L 2.333.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn X 800.000 đồng, ông Trần Văn L và ông Nguyễn Văn X không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Buộc Hoàng Văn L và Chu Đức T phải liên đới bồi thường cho chị Diệp Thị T 9.333.000 đồng, anh Vũ Đình C 3.000.000 đồng, anh Nguyễn Đình D 5.666.000 đồng, ông Nguyễn Văn H 2.000.000 đồng, chị Lường Thị T 10.000.000 đồng, anh Trương Văn N 1.700.000 đồng, riêng Hoàng Văn L phải bồi thường cho anh Vũ Mạnh H 833.000 đồng.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn L và Chu Đức T đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Văn L và Chu Đức T mỗi bị cáo từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại ông Lưu Văn H có mặt tại phiên tòa, ông xác định việc bị mất trộm xe mô tô như các bị cáo đã trình bày, ông đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, về hình phạt ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại Chị Lường Thị T có mặt tại phiên tòa, chị xác định việc chị bị mất tài sản là chiếc xe mô tô như các bị cáo trình bày là đúng, chị chưa nhận được tài sản, chị yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn L và Chu Đức T bồi thường cho chị 10.000.000 đồng, đề nghị áp dụng hình phạt theo quy định của pháp luật.

Bị hại là ông Trần Văn L, ông Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xác nhận đã nhận số tiền do các bị cáo L và T bồi thường, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và L.

Những người bị hại khác vắng mặt tại phiên tòa đề nghị được bồi thường theo trị giá của Hội đồng định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đinh Thị Thu H, chị Chu Thị S, anh Hoàng Văn B có mặt tại phiên tòa, đều xác định số tiền bồi thường cho những người bị hại là của gia đình, các bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường, nay không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét thấy tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn L, Chu Đức T, Nguyễn Duy S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau: Chu Đức T, Hoàng Văn L và Nguyễn Duy S là các đối tượng không có nghề nghiệp và quen biết nhau. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 8 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017 T, L, S đã thực hiện 13 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B và huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng trị giá tài sản các bị can chiếm đoạt là 49.131.000 đồng, trong đó Hoàng Văn L thực hiện 12 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt tài sản trị giá 45.131.000 đồng; Chu Đức T thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản trị giá 38.965.000 đồng; Nguyễn Duy S thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản trị giá 12.666.000 đồng.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo L, bị cáo T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, bị cáo S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Hoàng Văn L: Sinh ra trong một gia đình lao động, nhưng bị cáo sớm đua đòi, chơi bời điện tử nên đã bỏ học từ năm lớp chín, sau khi nghỉ học thường xuyên lang thang trộm cắp kiếm tiền để lấy tiền chơi điện tử và sinh sống, bị cáo thực hiện 12 vụ trộm cắp tài sản, chủ yếu là xe máy. Bị cáo với bị cáo T giữ vai trò chính, nên phải chịu hình phạt tương đương nhau. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do vậy cần áp dụng Điều 69 và Điều 74 để áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra cho người bị hại là ông Trần Văn L và ông Nguyễn Văn X, ông L và ông X đã có đơn xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của bộ luật hình sự. Xét thấy cần phạt giam bị cáo một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

Đối với bị cáo Chu Đức T: Bỏ học từ năm lớp 5, thường xuyên lang thang chơi điện tử, mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân và chơi điện tử. Bị cáo với bị cáo L có mối quan hệ khăng khít với nhau là người cùng quê thường xuyên rủ rê nhau trộm cắp lấy tiền tiêu sài và chơi điện tử. Vai trò của bị cáo với bị cáo L là tương đương nhau giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do vậy cần áp dụng Điều 69 và Điều 74 để áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra cho người bị hại là ông Trần Văn L và ông Nguyễn Văn X, ông L và ông X đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của bộ luật hình sự. Xét thấy cần phạt giam bị cáo một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

Đối với Nguyễn Duy S thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản cùng với L và T, bị cáo cũng là người nghiện điện tử nên đã trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài và để chơi điện tử. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra cho người bị hại là anh Trương Văn N và anh Vũ Mạnh H, anh H đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Xét thấy cần phạt giam bị cáo một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 tính đến ngày phạm tội S mới có 17 tuổi 11 tháng 14 ngày, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì không coi là tiền án. Bị cáo không coi là tiền án nhưng do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách do vậy buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này. Cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 1999 để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án.

[5] Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Xác nhận Nguyễn Duy S và gia đình đã bồi thường cho anh Vũ Mạnh H số tiền 1.000.000 đồng, anh Trương Văn N 800.000 đồng.

Xác nhận Hoàng Văn L, Chu Đức T và gia đình của L, T đã bồi thường cho ông Trần Văn L 2.333.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn X 800.000 đồng, ông L và ông X không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện việc trộm cắp tài sản để cùng tiêu sài cá nhân, mức độ lỗi của các bị cáo là như nhau nên các bị cáo phải liên đới bồi thường với kỷ phần bằng nhau.

Cần áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc Hoàng Văn L và Chu Đức T phải liên đới bồi thường cho chị Diệp Thị T 9.333.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 4.666.500 đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) , anh Vũ Đình C 3.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Đình D 5.666.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 2.833.000 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng), ông Nguyễn Văn H 2.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), chị Lương Thị T 10.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), đối với số tiền thiệt hại do mất trộm xe của anh Trương Văn N là 2.500.000 đồng, chị H là mẹ bị cáo S đã bồi thường cho anh Trương Văn N 800.000 đồng, còn lại 1.700.000 đồng anh Trương Văn N yêu cầu T và L bồi thường, L và T nhất trí vì vậy cần buộc T và L phải liên đới bồi thường cho anh Trương Văn N 1.700.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), đối với số tiền bị cáo L và S gây thiệt hại do trộm cắp xe của anh Vũ Mạnh H là 1.833.000 đồng, chị H là mẹ bị cáo S đã tự nguyện bồi thường cho anh H 1.000.000 đồng, chị H không yêu cầu L phải trả khoản tiền chênh lệch do bồi thường thừa kỷ phần vì vậy cần buộc Hoàng Văn L phải bồi thường cho anh Vũ Mạnh H 833.000 đồng.

[6] Xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Đối với Trần Văn Đ, quá trình điều tra các bị cáo khai nhận đã bán xe mô tô trộm cắp được Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh lấy lời khai của Đ. Cũng như tiến hành đối chất giữa Chu Đức T, Hoàng Văn L, Nguyễn Duy S với Trần Văn Đ nhưng Đ không thừa nhận việc giao dịch mua bán xe mô tô với các bị cáo. Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng cũng như căn cứ để xác định có việc mua bán, nên không đề cập xử lý đối với Đ là phù hợp.

Đối với số tiền mà gia đình của L, T, S đã bồi thường cho những người bị hại, nay ông B (Bố của L), chị S (Mẹ của T), chị H (Mẹ của S) không yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền cho họ, nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Cần buộc các bị cáo Hoàng Văn L, Chu Đức T, Nguyễn Duy S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, buộc Hoàng Văn L phải chịu 834.125 đồng (Tám trăm ba mươi tư nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), Chu Đức T phải chịu 792.475 đồng (bảy trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn L, Chu Đức T, Nguyễn Duy S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn L 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Chu Đức T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy S 01 (Một) năm tù, tổng hợp với hình phạt 01 năm tù cho hưởng án treo thành 01 năm tù của bản án số 55/2016/HSPT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 20 tháng 10 năm 2017. Bị cáo được trừ số ngày tạm giam từ ngày 13 tháng 5 năm 2016 đến ngày 07 tháng 7 năm 2016 của bản án số 55/2016/HSPT ngày 20 tháng 12 năm 2016.

Về trách nhiệm dân sự :

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự 1999; các Điều 584, 585, 586, 587, 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Xác nhận Nguyễn Duy S và gia đình đã bồi thường cho anh Vũ Mạnh H số tiền 1.000.000 đồng, anh Trương Văn N 800.000 đồng.

Xác nhận Hoàng Văn L, Chu Đức T và gia đình của L, T đã bồi thường cho ông Trần Văn L 2.333.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn X 800.000 đồng, ông L và ông X không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Buộc Hoàng Văn L và Chu Đức T phải liên đới bồi thường cho chị Diệp Thị T 9.333.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 4.666.500 đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) , anh Vũ Đình C 3.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Đình D 5.666.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 2.833.000 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng), ông Nguyễn Văn H 2.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), chị Lường Thị T 10.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), anh Trương Văn N 1.700.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường

850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), buộc Hoàng Văn L phải bồi thường cho anh Vũ Mạnh H 833.000 đồng (Tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày chi T, anh C, anh D, ông H, chị Lương Thị T, anh N, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu L và T không thanh toán được số tiền bồi thường trên thì hàng tháng L và T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn L, Chu Đức T, Nguyễn Duy S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, buộc Hoàng Văn L phải chịu 834.125 đồng (Tám trăm ba mươi tư nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), Chu Đức T phải chịu 792.475 đồng (bảy trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo;
người bào chữa cho b/c; bị hại; người có quyền
lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Các đương sự
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thái

Nguyễn Quỳnh Liên

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo;
người bào chữa cho b/c; bị hại; người có quyền
lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Các đương sự
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thủy

PH

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thái

Nguyễn Đức Tiến

Trần Thị Lan

Sửa chữa ở đây được hiểu là sửa lại những cái bị hư hỏng (như sửa lại chiếc xe bị hỏng, sửa chiếc ghế bị gãy do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra).

Bồi thường là việc đền bù lại những thiệt hại mà mình đã gây ra cho người khác (Ví dụ như con anh lấy xe đạp của người khác nay cháu đã bán chiếc xe đó lấy tiền tiêu xài, nay không thể tìm được chiếc xe đạp đó nên gia đình anh đã mua một chiếc xe đạp khác hoặc trả cho người bị hại hoặc trả tiền bằng giá trị của một chiếc xe đạp cho người bị hại).

Đối với những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm thì người phạm tội hoặc đại diện gia đình họ tự nguyện đưa cho gia đình người bị hại một khoản tiền chữa bệnh, tiền viện phí, tiền trợ cấp khó khăn thì chỉ được coi đó là tự nguyện khắc phục hậu quả chứ không phải là bồi thường).

Khắc phục hậu quả là khắc phục những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do hành vi phạm tội gây nên mà những thiệt hại này không thể bồi thường hay sửa chữa được. Trường hợp gia đình anh đưa người bị hại đi bệnh viện, lo chạy chữa vết thương, chi tiền thuốc men, viện phí được coi là khắc phục hậu quả.